Exercise 1:

Giải thích:

Dòng đầu tiên là in ra địa chỉ của biến b dạng hexa.

Dòng thứ hai in ra lần lượt địa chỉ của con trỏ \*p, \*q lưu trữ(chính là địa chỉ của b) dạng hexa.

Dòng thứ ba in ra lần lượt giá trị của con trỏ \*p, \*q lưu trữ(chính là giá trị của b) dạng decimal.

Exercise 2:

Giải thích:

Dòng 1 là in ra địa chỉ của biến b dạng hexa.

Dòng 2 là in ra giá trị của biến b dạng decimal.

Dòng 3 là in ra địa chỉ mà con trỏ p lưu trữ(chính là địa chỉ biến b) dạng hexa.

Dòng 4 là in ra giá trị mà con trỏ p lưu trữ(chính là giá trị biến b) dạng decimal.

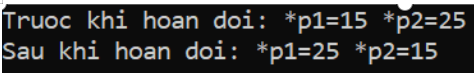
Khai báo int \*\*q; là khai báo con trỏ trỏ đến 1 con trỏ khác.

q = &p là con trỏ q trỏ đến con trỏ p.

Dòng 5 là in ra địa chỉ của con trỏ q trỏ đến con trỏ p do đó q sẽ có địa chỉ mới, in ra ở dạng hexa.

Dòng 6 là in ra giá trị con trỏ q lưu trữ, vì q trỏ đến con trỏ p nên q lưu trữ giá trị p lưu trữ(chính là giá trị biến b) ở dạng decimal.

Exercise 3:



Giao diện sẽ hiển thị như trên.

Giải thích:

Dòng 1 in ra giá trị của hai biến p1 và p2 ban đầu, dạng decimal.

Cách hoán đổi:

Đầu tien gán giá trị p1 = p1 + p2. (lúc này p1 chứa cả hai số p1 và p2).

Gán giá trị cho p2 = p1 - p2.(lúc này lấy p1 - p2 có nghĩa là loại p2 ra, p2 lúc này bằng p1).

Gán giá trị cho p1 = p1-p2.(lúc này lấy p1-p2 có nghĩa là loại p1 ra vì p2 = p1, p1 lúc này bằng p2, mất biến tổng ban đầu).

Dòng 2 in ra giá trị của hai biến p1 và p2 sau khi hoán đổi, dạng decimal.